



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00150

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : Brine shrimp eggs (Artemia cysts) Brand “GOLDEN SEAHORSE BLUE

Số lượng/ khối lượng : 2.400 thùng/ 12.240 kg

Ngày sản xuất : 14/11/2025

Hãng, nước sản xuất : Great Salt Lake Artemia, U.S.A

Thuộc lô hàng nhập khẩu

Hợp đồng số : P18563 ngày 21/10/2025

Hóa đơn số : P18563 ngày 24/11/2025

Vận đơn số : 2511006 ngày 05/12/2025

Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10822/HQ-GDK-TTKN ngày 24/12/2025
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250043696)

Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH THÁI BÌNH GIA**
Địa chỉ: Số 286, Quốc Lộ 62, ấp Cầu Tre, phường Khánh Hậu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-3:2019/BNNPTNT

Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 140 /QĐ-TTKN
Ngày 14 tháng 01 năm 2026

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Bưởi



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 683/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Lê Phước Dũng

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Lê Phước Dũng

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn tươi sống dùng trong nuôi trồng thủy sản, đựng trong túi

Mã số mẫu/Sample code : 1092601561

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/01/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 10/01/2026

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
BRINE SHRIMP EGGS (ARTEMIA CYSTS). Brand "GOLDEN SEAHORSE BLUE" (BNNPTNT29250043696)	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (*)(**)	/25g	KPH	ISO 21872-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 13/01/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.